

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Quý.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân
huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7
năm 2022; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 61/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa
số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Đội 8, bản C, xã
PN, huyện VC, tỉnh YB (nay là thôn C, xã NL, thị xã NL, tỉnh YB)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn ĐTL, xã
ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án;
nguyên đơn, chị Lò Thị Q trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại
UBND xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 25 tháng 6 năm 2012. Sau kết hôn
vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn ĐTL, xã ĐT, huyện ĐH,
tỉnh TB. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn;
nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh T đánh
vào tệ nạn ma túy nên vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi nhau. Năm 2017, chị bỏ
về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh T, sau đó chị đi xuất khẩu lao động tại ĐL.
Khi hết hạn hợp đồng lao động tại ĐL, chị về nước và về gia đình nhà chồng để

thăm con nhưng anh T đánh đuổi chị. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để chị ổn định làm ăn.

Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Đình Chí B2, sinh ngày 30/12/2013. Do đi lao động xuất khẩu nên chị phải để 02 con ở nhà với anh T và chị nhờ bố mẹ chồng chăm sóc 02 con giúp, chị vẫn quan tâm tới 02 con và gửi tiền về cho các con ăn học. Anh T ở nhà vẫn sử dụng ma túy và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đi cai nghiện bắt buộc với thời gian là 02 năm. Sau khi chấp hành thời gian cai nghiện xong, anh T vẫn không tu chí làm ăn và không có công ăn việc làm ổn định; bố mẹ chồng hiện nay đau yếu, sức khỏe không đảm bảo, nên nếu tiếp tục giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cuộc sống của con. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung. Hiện tại chị mở cửa hàng ăn uống gần nhà bố mẹ đẻ chị; có thu nhập ổn định; trường học gần nơi chị ở, thuận lợi cho việc học tập của các con; bố mẹ chị khỏe và rảnh rỗi sẽ phụ giúp chị trong việc nuôi dưỡng các con.

Chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

* Anh Nguyễn Đình T có nơi trú tại thôn ĐTL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB. Mọi văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

* Qua xác minh với ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1961 (là bố đẻ của anh T) có nội dung: Anh T và chị Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 25/6/2012. Sau kết vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Năm 2017, vợ chồng sống ly thân, chị Q đi lao động ở nước ngoài sau đó về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Yên Bái, thỉnh thoảng chị Q về thăm con rồi lại đi ngay. Anh T đi làm ăn tự do, vài ngày mới về nhà một lần Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Q và anh T, nhưng do anh T bận mãi công việc nên anh T không lên Tòa án làm việc được. Nay chị Q xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T và chị Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Đình Chí B2, sinh ngày 30/12/2013. Từ khi anh T và chị Q ly thân, cả 02 cháu sinh sống cùng anh T và vợ chồng ông, nhưng thời gian qua anh T không tu chí làm ăn nên vợ chồng ông phải đứng ra cang đáng 02 cháu. Ly hôn, nếu 02 cháu mà ở với anh T thì vợ chồng ông cũng sẽ phải hỗ trợ anh T trong việc nuôi con, nhưng chị Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho 02 con theo quy định của pháp luật.

Anh T và chị Yến không có tài sản chung.

* Xác minh tại UBND xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB có nội dung: Anh Nguyễn Đình T và chị Lò Thị Q đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 25/6/2012. Cả hai anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn ĐTL, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2017, chị Q bỏ về quê ngoại ở YB và đi lao động tại ĐL. Anh T là người sử dụng ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ra quyết định số 24/2019/QĐ-TA ngày 15/10/2019, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 02 năm, hiện tại anh T đang là đối tượng mà Công an xã ĐT quản lý sau cai nghiện, nhưng anh T cũng rất ít khi có mặt tại nhà. Khả năng đoàn tụ giữa chị Q và anh T rất khó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T và chị Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Đình Chí B2, sinh ngày 30/12/2013. Từ khi chị Q đi lao động ở ĐL, các con sinh sống cùng anh T và bố mẹ đẻ anh T; trong thời gian anh T đi cai nghiện bắt buộc, bố mẹ đẻ anh T phải thay anh T chăm sóc các con. Hiện tại sức khỏe của bố đẻ anh T không được tốt, bản thân anh T mới đi cai nghiện về, công ăn việc làm chưa ổn định nên việc nuôi con của anh T rất khó khăn.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.
- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lò Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Đình Chí B2, sinh ngày 30/12/2013 cho chị Lò Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Q tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Bị đơn anh Nguyễn Đình T có nơi cư trú tại thôn ĐTL, xã ĐT, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

- Về nội dung:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn và ly thân nhau đã lâu. Cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[2] Về con chung: Vợ chồng ly thân, chị Q đi lao động ở nước ngoài nên phải để 02 con ở nhà với anh T và nhờ bố mẹ chồng chăm sóc con giúp. Sau khi về nước, chị Q mở quán bán hàng ăn ở gần nhà bố mẹ đẻ chị và có chỗ ở, thu nhập ổn định, chị vẫn về thăm các con. 02 con chung có nguyện vọng được ở với anh T và ông bà nội khi bố mẹ ly hôn, tuy nhiên, anh T mới đi cai nghiện bắt buộc về, chưa có công việc và thu nhập ổn định, bố đẻ anh T sức khỏe không được tốt, anh T không có mặt ở Tòa án cũng không có ý kiến trình bày nguyện vọng của mình trong việc nuôi dưỡng con. Xét thấy, mặc dù 02 con có nguyện vọng được ở với anh T và ông bà nội, tuy nhiên việc giao con cho anh T là không đảm bảo nên cần giao cả 02 con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Q tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung.

[3] Về tài sản: Do chị Q không yêu cầu giải quyết, anh T không có lời khai, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh T có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2/. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh ngày 08/6/2012 và Nguyễn Đình Chí B2, sinh ngày 30/12/2013 cho chị Lò Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Q tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Đình T và chị Lò Thị Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu dưỡng cho con khi cần thiết.

3/. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Lò Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003145 ngày 11/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

5/. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND xã ĐT, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Kiên Trung